TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đặng Thị Thu Thảo.

+ Ông Lê Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Phạm Trà My, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Thị V, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Lê Quốc V, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Bùi Thị V trình bày:

Bà và ông Lê Quốc V kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 21/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung

không thể hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn và đã ly thân từ năm 2018. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quốc V.

Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Lê Bùi G, sinh ngày 23/6/2017, hiện đang sống chung với mẹ. Do con còn nhỏ nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, ông Lê Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con thành niên.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với ông Lê Quốc V, mặc dù đã được Tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Trong quá trình tố tụng, bà Bùi Thị V cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 10/7/2019; bản sao Giấy khai sinh con chung; Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Sổ HKTT của Bùi Thị V; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Bùi Thị V; Bản tự khai của con chung; Giấy chứng nhận kết hôn. Ông Lê Quốc V cung cấp tài liệu, chứng cứ: không có. Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp ly hôn, tranh chấp con chung, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị V, cho bà Bùi Thị V ly hôn với ông Lê Quốc V, giao con chung cho bà Bùi Thị V trực tiếp nuôi, ông Lê Quốc V phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 12/2019 đến khi con chung thành niên, tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết, bà Bùi Thị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Bùi Thị V có đơn xin vắng mặt, bị đơn Lê Quốc V được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

Bị đơn Lê Quốc V đã được Toà án thông báo và tống đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện do nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị V và ông Lê Quốc V tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, đăng ký ngày 21/6/2017. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp nhau về quan điểm sống, hai bên ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Bùi Thị V và ông Lê Quốc V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị V và ông Lê Quốc V có 01 con chung tên Lê Bùi G, sinh ngày 23/6/2017, hiện đang sống chung với mẹ. Xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân, con chung sống với bà Bùi Thị V và được bà nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, mặt khác ông Lê Quốc V cũng không phản đối việc bà Bùi Thị V yêu cầu nuôi con. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cho bà Bùi Thị V tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, bà Bùi Thị V và ông Lê Quốc V có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị V yêu cầu buộc ông Lê Quốc V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung thành niên. Xét thấy yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, thời hạn cấp dưỡng là phù hợp Điều 82, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức cấp dưỡng, theo kết quả xác minh được lập biên bản ngày 17/7/2019 chính quyền địa phương xác định ông Lê Quốc V có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thuộc loại khá, do vậy bà Bùi Thị V yêu cầu là

phù hợp với thu nhập thực tế của ông Lê Quốc V, đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Bà Bùi Thị V không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, bà Bùi Thị V phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng, ông Lê Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị V. Bà Bùi Thị V được ly hôn với ông Lê Quốc V.

2. Về quan hệ con chung: Giao bà Bùi Thị V trực tiếp nuôi con chung tên Lê Bùi G, sinh ngày 23/6/2017. Ông Lê Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2019 đến khi con chung thành niên. Ông Lê Quốc V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị V phải chịu 300.000 đồng hôn nhân gia đình sơ thẩm (chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Bùi Thị V đã nộp theo biên lai thu số 0002500 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thành án phí). Ông Lê Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị V, ông Lê Quốc V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã T, TX C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy